

Số: **74** /QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày **13** tháng **01** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá
tác động môi trường dự án Khu tái định cư Bình Đông**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4 tại Văn bản số 1972/BQLDAKV4 ngày 24 tháng 12 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 304/TTr-SNN&MT ngày 10 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu tái định cư Bình Đông của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4 thực hiện tại phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp với các nội dung, yêu cầu bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4 có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Sơn Qui và Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4 căn cứ Quyết định thi hành./ men

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, Nguyên

KT. CHỦ TỊCH men
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thành Diệu

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ BÌNH ĐÔNG**
(Kèm theo Quyết định số 74 /QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Thông tin về dự án

a) Thông tin chung

- Tên dự án: Khu tái định cư Bình Đông.
- Địa điểm thực hiện: Phường Sơn Qui, tỉnh Đồng Tháp.
- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực 4.
- Địa chỉ liên hệ: Số 47 đường Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

b) Quy mô, công suất

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 10,3 ha (103.000 m²), trong đó có 6,04 ha đất trồng lúa cần chuyển đổi mục đích sử dụng đất thuộc thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Loại hình đầu tư của dự án: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

- Tổng mức đầu tư xây dựng: 249.984.984.415 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi chín tỷ, chín trăm tám mươi bốn triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn, bốn trăm mười lăm đồng) thuộc nhóm B theo tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Đầu tư công.

- Dân số: 1.600 người.

c) Phạm vi

- Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

- + Hạng mục san nền;
- + Hạng mục hệ thống giao thông;
- + Hạng mục hệ thống cấp điện;
- + Hạng mục hệ thống cấp nước;
- + Hạng mục hệ thống chiếu sáng;
- + Hạng mục thông tin liên lạc;
- + Hạng mục hệ thống cây xanh.
- Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:
 - + Hạng mục hệ thống thoát nước mưa;
 - + Hạng mục hệ thống thoát nước thải (bao gồm trạm xử lý nước thải công suất 170 m³/ngày đêm).

d) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: theo điểm đ, khoản 4, điều 28 Luật Bảo vệ môi trường và số thứ tự số 5 điểm c mục II phụ lục IV Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung theo quy

định Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên từ 05 ha trở lên).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Hoạt động giải phóng và dọn dẹp mặt bằng, san nền sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải từ hoạt động bơm cát san lấp, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn từ hoạt động phát quang.

- Hoạt động thi công xây dựng (đào đắp, trộn nguyên vật liệu,...); hoạt động vận chuyển, bốc dỡ, tập kết vật liệu xây dựng; hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường, sinh hoạt của công nhân tại công trường phát sinh bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung.

b) Giai đoạn hoạt động

- Sinh hoạt của các hộ dân, hoạt động của các công trình thương mại, giáo dục làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.

- Hoạt động giao thông trong khu vực dự án làm phát sinh khói bụi, tiếng ồn.

- Hoạt động của hệ thống xử lý nước thải làm phát sinh bùn thải, tiếng ồn, mùi hôi.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

a) Nước thải, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công dự án, lưu lượng khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (TSS), BOD₅, các chất dinh dưỡng (Nitơ, Phốt pho), dầu mỡ và vi sinh.

Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh thiết bị, máy móc thi công, trộn bê tông với lưu lượng 02 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (cát, bụi bẩn), chất hữu cơ dễ bị phân hủy và vi sinh vật gây bệnh.

Nước mưa chảy tràn phát sinh khoảng 1.061,9 l/s. Thành phần chủ yếu là các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi.

Nước từ quá trình bơm cát, san lấp mặt bằng với lưu lượng phát sinh khoảng 171,67 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (cát, bụi bẩn).

+ Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư, khu thương mại dịch vụ và khu công trình giáo dục với lưu lượng khoảng $163 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng của nước thải sinh hoạt gồm: pH, BOD₅, TSS, tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Photphat (PO₄³⁻) (tính theo P), tổng Coliforms.

Nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh khu vực chứa rác và vệ sinh khu vực hệ thống xử lý nước thải với lưu lượng khoảng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chất ô nhiễm chứa một hàm lượng lớn các chất hữu cơ (BOD₅, COD), vi sinh vật,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

+ Giai đoạn chuẩn bị mặt bằng, thi công, xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động của máy móc thi công xây dựng các hạng mục công trình, tập kết, bốc dỡ nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển, phát hoang thực bì, san lấp, giải phóng mặt bằng, quá trình phối trộn bê tông. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂,...

+ Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện tham gia giao thông ra vào dự án. Thông số ô nhiễm đặc trưng gồm: bụi, CO, NO_x, SO₂,...

b) Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn sinh hoạt

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 90 kg/ngày . Thành phần chủ yếu gồm: vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn,...

+ Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên và người dân tại dự án. Tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 1.440 kg/ngày . Thành phần chủ yếu gồm: vỏ hộp, bao bì đựng thức ăn, thực phẩm thừa ...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động phát quang thảm thực vật, giải phóng và dọn dẹp mặt bằng phát sinh khoảng $17,71 \text{ tấn}$ chất thải rắn. Thành phần chủ yếu là cành, rễ cây,...

Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình phát sinh chất thải rắn xây dựng, khối lượng phát sinh khoảng $64.102,56 \text{ kg/ngày}$, thành phần gồm: sắt thép dư thừa, cốt pha, xi măng, cát,...

+ Giai đoạn vận hành

Bùn phát sinh từ hoạt động hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án. Tổng khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 5.475 kg/năm.

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh ước tính khoảng 130,67 kg. Thành phần bao gồm: dầu mỡ thải, dầu nhiên liệu thải, giẻ lau dính dầu mỡ,...

+ Giai đoạn vận hành

Khối lượng chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát dự kiến phát sinh khoảng 80 kg/năm từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân và hoạt động quản lý vận hành chung khu dân cư. Thành phần gồm: pin, ắc quy thải, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại, thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử, các loại dầu mỡ thải.

c) Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng

Phát sinh từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động của các máy móc thi công đào đắp, máy trộn bê tông và hoạt động thi công các hạng mục công trình.

- Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện tham gia giao thông ra vào dự án và hoạt động sinh hoạt của khu dân cư.

d) Các tác động môi trường khác

- Giai đoạn thi công, xây dựng

Tác động đến kinh tế - xã hội, giao thông khu vực (giao thông đường bộ và giao thông thủy), ngập úng, sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố vỡ đê bao san lấp trong khu vực thực hiện dự án.

- Giai đoạn vận hành

Sự cố cháy nổ, sự cố về rò rỉ hoặc vỡ đường ống cấp thoát nước, sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

a) Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

- Đối với thu gom và xử lý nước thải

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Nước thải sinh hoạt: trang bị 01 cụm nhà vệ sinh di động loại 03 buồng (kích thước 260 x 270 x 135 cm) làm từ vật liệu composite nguyên khối, có bể chứa chất thải 1.200 lít và bồn nước dự trữ 1.050 lít. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có

chức năng định kỳ (01 tháng/lần hoặc khi đầy) đến hút cạn và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

Nước thải xây dựng: bố trí 02 hố lắng bằng bạt HDPE (dung tích 02 m³/hố) để thu gom nước thải từ quá trình thi công. Nước sau lắng, phần nước trong sẽ tái sử dụng toàn bộ vào mục đích làm ẩm vật liệu thi công và tưới nước dập bụi trên công trường thi công.

Nước thải từ hoạt động trộn bê tông xi măng được lắng sơ bộ tại bể lắng có thể tích 6 m³ đặt cạnh khu vực trộn. Phần nước sau xử lý lắng cạn được tái sử dụng cho công tác phun nước dập bụi, hoặc bơm bên bồn trộn để tái sử dụng cho hoạt động trộn bê tông không xả thải ra ngoài môi trường.

Nước thải bơm nén cát: đào đất đắp đê bao xung quanh khu vực san lấp (cao hơn cao độ nền 1,0 m) để tạo thành ao lắng; nước trong sau khi lắng cạn sẽ theo cửa tràn thoát ra Kênh Cặp Đê.

+ Giai đoạn vận hành

Nước thải sinh hoạt từ hộ gia đình sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn được thu gom vào các hố ga, hố thu đặt dọc theo các trục đường chính bằng tuyến cống HDPE hoặc uPVC đường kính D250 - D315. Sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 170 m³/ngày đêm. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) trước khi xả thải ra Kênh Cặp Đê theo đường ống thoát nước uPVC Ø250.

Nước thải từ việc vệ sinh thùng rác và khu vực hệ thống xử lý nước thải được thu gom bằng đường ống uPVC Ø60 dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất tập trung công suất 170 m³/ngày đêm của dự án.

Quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 170 m³/ngày đêm: Nước thải đầu vào → Song chắn rác thô → Hố thu gom + lắng cát → Bể điều hòa → Hộp lưu lượng → Bể khử Nitơ → Bể hiếu khí → Bể lắng II → Bể khử trùng → Bể lọc cát → Bể xả thải. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (cột A) trước khi xả thải ra Kênh Cặp Đê.

- Đối với thu gom và xử lý khí thải

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Xây dựng hàng rào tôn kín che chắn cao từ 1,5 m đến 3 m xung quanh khu vực thi công và dùng bạt che phủ bãi tập kết vật liệu cao khoảng 3 m. Sử dụng 02 xe tưới nước chuyên dụng (dung tích 14 m³/xe) để phun ẩm tuyến đường vận chuyển và khu vực công trường với tần suất 2-3 lần/ngày (tăng lên 3-4 lần/ngày vào những ngày khô nóng hoặc gió mạnh).

Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt kín thùng xe, rửa sạch bùn đất bám tại lốp xe trước khi ra khỏi công trường và bố trí công nhân thường xuyên thu dọn vật liệu rơi vãi trên đường.

Các máy móc phương tiện phải thường xuyên được kiểm tra, bôi trơn dầu mỡ định kỳ 01 tháng/lần.

Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm: khẩu trang, kính chống bụi, găng tay, giày, mũ bảo hộ và mặt nạ chống độc bằng than hoạt tính cho thợ hàn.

+ Giai đoạn vận hành

Thiết lập và duy trì hệ thống cây xanh. Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như hút, giữ bụi, lọc sạch không khí, giảm ồn, giảm nhiệt độ không khí, qua đó điều hoà không khí, cải thiện các điều kiện vi khí hậu trong khuôn viên dự án

Thường xuyên quét dọn khu vực sân, đường giao thông, hành lang khuôn viên khu vực dự án.

Phun tưới nước trong những ngày nắng nóng giảm bụi khuếch tán từ mặt đất vào không khí xung quanh.

Yêu cầu các phương tiện phải giảm tốc độ khi ra vào dự án.

Đối với mùi từ khu vực lưu chứa chất thải và hệ thống xử lý nước thải:

Sử dụng các chế phẩm vi sinh xử lý và hạn chế phát sinh mùi hôi. Các chế phẩm vi sinh này được phun trực tiếp vào các nguồn có khả năng phát sinh mùi hôi ở khu vực lưu chứa chất thải.

Bố trí thùng rác có nắp đậy để tránh phát tán mùi hôi ra không khí.

Bổ sung chế phẩm sinh học GEM-K vào các bể (hồ thu, bể điều hòa, bể anoxic, bể aerotank, bể lắng) định kỳ 02 tháng/lần.

Thường xuyên kiểm tra định kỳ, bảo dưỡng trang thiết bị của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo quá trình vận hành không bị sự cố.

Thu gom và xử lý bùn thải theo định kỳ.

b) Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Sinh khối phát sinh từ hoạt động phát quang được thu gom, phân loại và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn sinh hoạt: bố trí 01 thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt loại 120 lít có nắp đậy tại khu vực lán trại công nhân để thu gom, lưu chứa, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

Chất thải rắn xây dựng sẽ được thu gom về kho chứa chất thải rắn tạm thời với diện tích 20 m² được thiết kế có mái che và gờ bao xung quanh. Các loại chất thải rắn có khả năng tái sử dụng sẽ được bán cho các cơ sở thu mua phế liệu; các loại chất thải rắn không tái sử dụng được sẽ được chủ đầu tư hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

+ Giai đoạn vận hành

Bố trí 20 thùng rác, dung tích 60 lít, có nắp đậy thu gom chất thải rắn sinh hoạt dọc các tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án. Đối với các hộ dân sinh sống tại dự án, mỗi hộ gia đình tự trang bị thùng rác 10 lít để chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom xử lý đúng quy định, tuần suất thu gom, xử lý 01 lần/ngày.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu chứa trong bể chứa bùn có kết cấu bê tông cốt thép được xây âm dưới mặt đất. Chủ dự án sẽ liên hệ đơn vị có chức năng đến thu gom định kỳ.

- Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

+ Giai đoạn thi công, xây dựng

Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại vào 05 thùng chứa, có thể tích 60 lít, được dán nhãn, lưu giữ tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích 4m². Kho chứa được thiết kế có mái tôn che kín, nền lót bạt HPDE, trang bị bình cứu hỏa và vật liệu hấp thụ (thùng cát) theo quy định.

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại được các hộ dân sinh sống tại dự án thu gom và tự vận chuyển đến nhà chứa chất thải nguy hại được bố trí cạnh khu vực xử lý nước thải có diện tích 02m². Khu vực lưu chứa có biển cảnh báo, nền tráng bê tông, chống thấm, mái lợp tole, tường bao quanh.

Khối lượng phát sinh sẽ được chứa vào 04 thùng rác 60 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại theo quy định Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Trước khu vực lưu chứa sẽ có bảng thông tin giúp người dân phân loại các chất thải nguy hại.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo đúng quy định của pháp luật, tần suất thu gom 01 năm/lần hợp đồng với đơn vị chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

c) Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công, xây dựng

Sử dụng các phương tiện thi công hiện đại, có mức gây ồn thấp. Phân bổ thời gian hoạt động cho các loại máy móc, thiết bị hợp lý, hạn chế đến mức thấp nhất việc hoạt động cùng lúc và tránh vận hành vào những thời điểm nghỉ ngơi trong ngày để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Hạn chế bóp còi và giảm tốc độ xe khi vận chuyển vật liệu qua các khu vực dân cư tập trung đông và trong công trình xây dựng. Không nổ máy xe trong thời gian chờ xếp dỡ nguyên vật liệu.

Các máy móc và thiết bị thi công phải được bảo trì thường xuyên để đảm bảo tình trạng hoạt động tốt, kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng các trang thiết bị máy móc định kỳ.

Công nhân lao động làm việc hiện trường được trang bị dụng cụ và thiết bị bảo hộ lao động theo quy định.

- Giai đoạn vận hành

Đối với hệ thống xử lý nước thải: Lập kế hoạch thường xuyên trong việc theo dõi, bảo trì (kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt). Lắp đệm chống ồn cho các thiết bị có khả năng gây ồn.

Cách ly nguồn gây ồn (máy bơm nước) ra khỏi khu vực tập trung đông người.

Thiết lập và duy trì hệ thống cây xanh theo đúng thiết kế, bao gồm công viên cây xanh, hàng rào cây xanh bố trí dọc hành lang và giữa các dãy nhà để giảm lan truyền ồn.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

a) Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu tại Chương 3 trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trước khi tiến hành triển khai thực hiện dự án.

b) Giám sát môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng

+ Giám sát không khí, tiếng ồn

. Vị trí giám sát:

Vị trí số 01: Khu vực nhà dân gần dự án tiếp giáp hướng Đông.

Vị trí số 02: Khu vực nhà dân gần dự án tiếp giáp hướng Tây.

Vị trí số 03: Khu vực nhà dân gần dự án tiếp giáp hướng Nam.

Vị trí số 04: Khu vực nhà dân gần dự án tiếp giáp hướng Bắc.

. Thông số giám sát: tổng bụi lơ lửng, SO_2 , CO, NO_x , tiếng ồn.

. Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

. Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Yêu cầu giám sát: lập sổ theo dõi tình hình phát sinh các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại.

Chỉ tiêu giám sát: khối lượng, thành phần chất thải rắn và chất thải nguy hại.

Tần suất giám sát: hàng ngày.

Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại theo quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng và chất thải nguy hại cho đơn vị có đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn vận hành

+ Giám sát nước thải

Vị trí giám sát: 01 điểm tại bể xả thải của hệ thống xử lý nước thải.

Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD_5 , COD, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H_2S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO_3^-) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P), Tổng Coliforms.

Tần suất: 03 tháng/lần.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A.

+ Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

Yêu cầu giám sát: Lập sổ theo dõi tình hình phát sinh các loại chất thải nguy hại, bùn thải.

Chủ đầu tư đảm bảo việc người dân trong khu dân cư tự hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt theo đúng quy định.

Vị trí giám sát: Khu vực lưu chứa chất thải.

Tần suất giám sát: Hàng ngày.

Giám sát khối lượng, công tác phân loại, thu gom và hợp đồng vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải nguy hại, chứng từ giao nhận chất thải.

Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng với nội dung cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phải xử lý toàn bộ nước thải phát sinh, đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung, cột A).

- Phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện dự án đảm bảo các yêu cầu an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện; các quy định của pháp luật hiện hành về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; các yêu cầu về tiêu thoát nước, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và khoản 2 Điều 27 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.